

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 20 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	ACC	19/03/2026	12.7	2.041.200	114.137	17.88
2	BMP	19/03/2026	128	880.300	176.740	4.98
3	PPC	19/03/2026	10.9	2.337.000	498.520	4.69
4	QTP	19/03/2026	13.6	2.073.800	725.527	2.86
5	LPB	19/03/2026	43.9	4.447.600	1.795.487	2.48
6	REE	19/03/2026	65.4	2.124.200	890.427	2.39
7	GEG	19/03/2026	16.25	3.183.000	1.333.977	2.39
8	NVL	19/03/2026	13.9	25.979.200	10.941.157	2.37
9	MCH	19/03/2026	161	820.800	370.370	2.22
10	VCG	19/03/2026	23	20.270.000	10.567.223	1.92
11	TCO	19/03/2026	11.3	825.200	459.263	1.8
12	KOS	19/03/2026	38.6	681.300	391.543	1.74
13	HDG	19/03/2026	28.6	4.235.500	2.588.420	1.64
14	NAB	19/03/2026	12.65	2.393.500	1.464.593	1.63
15	VPI	19/03/2026	59	3.091.400	1.907.833	1.62
16	VPL	19/03/2026	81	1.018.300	665.650	1.53
17	SSI	19/03/2026	27	60.356.700	40.484.108	1.49
18	HAG	19/03/2026	15.35	8.050.000	5.560.760	1.45
19	SHI	19/03/2026	14	736.800	515.440	1.43
20	VPB	19/03/2026	25.6	23.991.600	16.945.684	1.42
21	EVF	19/03/2026	13.75	15.746.700	11.857.020	1.33
22	VJC	19/03/2026	158.7	1.725.300	1.310.503	1.32
23	SHS	19/03/2026	15.7	21.031.400	16.089.850	1.31
24	VND	19/03/2026	15.6	15.592.000	11.871.350	1.31
25	TCB	19/03/2026	30.05	16.386.600	13.197.330	1.24
26	HHV	19/03/2026	12.2	6.263.400	5.100.830	1.23
27	HCM	19/03/2026	20.55	12.828.900	10.801.563	1.19
28	DXG	19/03/2026	14.1	18.688.400	15.937.517	1.17



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAV	19/03/2026	6.5	508.170	57.25	6.32	2.93
2	BID	19/03/2026	40.65	7.924.280	35.68	40.57	0.19
3	CTD	19/03/2026	82.8	788.070	52.89	78.8	05.08
4	CTG	19/03/2026	34.65	11.776.880	40.45	34.14	1.48
5	DGW	19/03/2026	43.5	2.716.570	41.23	43.26	0.55
6	DHC	19/03/2026	34.45	507.110	39.71	32.29	6.7
7	DPR	19/03/2026	40.5	797.780	46.06	38.76	4.49
8	DRI	19/03/2026	12.7	1.213.010	44.48	12.48	1.74
9	DVM	19/03/2026	6.9	710.980	63.34	6.52	5.87
10	GEG	19/03/2026	16.25	2.389.400	58.22	15.59	4.22
11	GVR	19/03/2026	32.45	5.808.670	39.59	30.49	6.43
12	HDG	19/03/2026	28.6	2.815.190	58.47	28.34	0.93
13	HPG	19/03/2026	26.7	48.314.832	46.04	26.57	0.5
14	LPB	19/03/2026	43.9	2.325.080	60.4	42.33	3.71
15	MSH	19/03/2026	36	648.370	46.78	34.05	5.74
16	MWG	19/03/2026	82.4	9.440.320	43.4	78.11	5.49
17	ORS	19/03/2026	13	4.046.360	43.48	12.99	0.05
18	PAC	19/03/2026	25	979.100	55.16	24.9	0.41
19	POW	19/03/2026	12.95	20.053.150	41.15	12.51	3.53
20	PPC	19/03/2026	10.9	796.000	64.15	10.3	5.79
21	PVP	19/03/2026	15.5	1.393.890	47.21	14.54	6.62
22	REE	19/03/2026	65.4	1.237.450	61.77	63.87	2.39
23	SIP	19/03/2026	58.8	566.980	51.02	57.63	02.03
24	TVN	19/03/2026	8.4	970.190	44.41	8.14	3.26
25	VGI	19/03/2026	84.2	1.026.490	36.77	81.22	3.67
26	VGT	19/03/2026	12.3	2.510.500	40.61	12.24	0.49
27	VHC	19/03/2026	58.7	1.152.780	45.12	57.19	2.65
28	VHM	19/03/2026	102.3	6.315.270	51.37	99.82	2.49



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	PET	45.75	44.05	1.755.910

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	DVM	6.9	6.9	710.980
2	PGN	7	6.6	239.610
3	PPC	10.9	10.65	796000
4	REE	65.4	64.5	1.237.450
5	TCO	11.3	10.9	241.820

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AGR	14.5	14.6	1.016.480
2	APG	6.21	6.24	1.873.800
3	APS	6.1	6.2	572.000
4	BCM	52.8	53.4	781.920
5	BMP	128	136.7	270.830
6	BVS	26.1	26.7	354.730
7	CDC	21.7	22	76.560
8	CTS	26.3	26.9	907.320
9	DGC	59.6	60.9	7.109.310
10	DRC	13.75	14	530.420
11	FTS	26.35	27.3	1.240.560
12	GDT	19.15	19.2	15.920
13	HCM	20.55	21.38	10.908.140
14	HVA	14	14.4	37.270
15	HVN	20.85	21.4	2.313.330

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	APG	6.21	6.17	1.873.800
2	BVS	26.1	25.86	354.730
3	DGC	59.6	58.2	7.109.310
4	FTS	26.35	26.35	1.240.560
5	OGC	2.95	2.9	503.750
6	TDG	2.64	2.6	78.580



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HDG	28.6	28.34	2.815.190
2	ORS	13	12.99	4.046.360
3	SIP	58.8	57.63	566980

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HQC	2.65	2.64	3.919.500
2	TNG	24.04	24.35	2.298.460
3	VPI	59	58.35	3015250
4	VPL	81	78.85	837.870

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AMV	1.9	1.9	779.970
2	SIP	58.8	58.26	566.980



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DDV	28.9	29.34	2.888.590
2	LAS	18	18.26	2.639.930
3	NRC	5.9	5.91	1104080
4	PAN	30.15	30.23	1.024.110
5	VOS	13.65	13.69	3.266.560

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.6	23.6	16.630.870
2	EIB	22.35	22.68	9.867.520
3	GMD	76.5	77.61	2128450
4	HNH	7.9	7.95	703.860
5	LAS	18	18.5	2.639.930
7	VIB	16.8	16.91	8023680

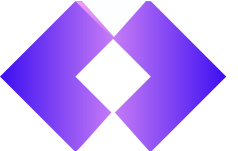
Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DPR	40.5	41.28	797.780
2	HNH	7.9	7.94	703.860
3	MSH	36	36.31	648370
4	PAN	30.15	30.42	1.024.110
5	PVS	42.9	43.02	12.736.500
6	VOS	13.65	14.12	3.266.560



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SCG	19/03/2026	65.2	64.5	65.6	1.71	20,380
2	PPT	19/03/2026	15.5	15.3	15.6	1.96	198,620
3	ODE	19/03/2026	45.3	45.2	46.3	2.43	15,680
4	VTZ	19/03/2026	20.1	20	20.6	3	1,211,200
5	VAB	19/03/2026	10.1	9.98	10.3	3.21	248,160
6	BAF	19/03/2026	34.95	34.25	35.5	3.65	1,856,500
7	OCB	19/03/2026	11	10.6	11	3.77	1,311,580
8	TOS	19/03/2026	170	165	171.6	4	16,880
9	SJD	19/03/2026	14.05	13.7	14.25	4.1	89,460
10	MSB	19/03/2026	11.2	11.1	11.55	04.05	3,243,500
11	SSB	19/03/2026	16.95	16.3	17	4.29	2,024,380
12	SBG	19/03/2026	11.5	11.4	11.9	4.39	28,820
13	MCM	19/03/2026	25.7	25.2	26.45	4.96	11,260
14	ABB	19/03/2026	13.8	13	13.8	6.15	459,060
15	VSH	19/03/2026	43.4	42	44.6	6.19	10,760
16	RYG	19/03/2026	10.65	10.3	10.95	6.31	85,700
17	ACG	19/03/2026	34.95	34.25	36.45	6.42	11,480
18	TAL	19/03/2026	43.9	41.8	44.7	6.94	287,960
19	VLS	19/03/2026	16.9	16.4	17.6	7.32	9,840
20	PGB	19/03/2026	11.7	11.6	12.5	7.76	6,680
21	GDT	19/03/2026	19.15	18.75	20.23	7.89	6,200
22	SKV	19/03/2026	26	25	27	8	10,640
23	GIC	19/03/2026	10.3	9.9	10.7	08.08	6,440
24	DRL	19/03/2026	45.6	45.2	48.95	8.3	5,340
25	SVT	19/03/2026	11.3	10.6	11.55	8.96	8,560
26	SHP	19/03/2026	34.4	32.08	35	9.1	8,380
27	KSF	19/03/2026	79.4	75	82	9.33	27,200



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009